

MOVERS PRACTICE 18

I. Viết dấu hiệu nhận biết vào đúng thì

now	every day	last month
always	never	at present
Listen!	1 hour ago	sometimes
Look!	once a week	right now
yesterday	last night	often
last year	last morning	Be quiet!

HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN	QUÁ KHỨ ĐƠN

II. Chọn đáp án đúng

1. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc lặp đi lặp lại?

A. Hiện tại đơn

- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

2. *Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đang xảy ra ngay bây giờ?*

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

3. *Thì nào dùng để diễn tả 1 sự thật, chân lý?*

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

4. *Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đã xảy ra trong quá khứ và đã chấm dứt?*

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

5. *Thì nào dùng để diễn tả 1 thói quen?*

- A. Hiện tại đơn**
- B. Hiện tại tiếp diễn**
- C. Quá khứ đơn**

III. Đọc các câu sau và cho biết câu đang sử dụng thì gì

(HIỆN TẠI ĐƠN) (HIỆN TẠI TIẾP DIỄN)

(QUÁ KHỨ ĐƠN)

1. My mom **goes** to work every day _____
2. He **didn't brush** his teeth this morning_____
3. They always **play** tennis after school_____
4. The baby **is sleeping** _____
5. My dad **is** very tall_____
6. I **don't have** a lot of money_____
7. He **is not doing** his homework_____
8. She **doesn't like** dancing_____
9. My dad **drove** to work yesterday_____
10. My friends **went** to the beach last week_____
11. **Is** she **washing** the car? _____
12. **Did** you **visit** your grandparents last night? _____
13. He never **reads** stories_____
14. We **are** students_____
15. She **listens** to music every morning_____
16. He **was** so tired because he **didn't have** enough sleep last night_____
17. What **are** you **doing**? _____
18. They **weren't** happy_____
19. How often **do** you **play** soccer? _____

20. We **ate** a lot of bread and chocolate _____

21. What time **did** you **get** up this morning? _____

22. What time **is** it? _____

23. They **painted** the pictures 2 hours ago _____

24. I **was** late for school yesterday _____

25. Where **are** you **going**? _____

26. **Did** you **call** me last night? _____

27. How long **does** it **take** you to do your homework? _____

28. She **isn't** friendly and funny _____

29. We **don't** often **swim** in the sea _____

30. Why **did** the baby **cry** last night? _____

IV. Use Simple Present Tense

(Dùng Thì hiện tại đơn)

1. My brother _____ (brush) his teeth every day.
2. They _____ (not/go) to work on Sunday.
3. My dad _____ (not/ like) fishing.
4. We _____ (not/be) students, we _____ (be) teachers.

5. What time _____ you _____ (get) up every morning?
6. How often _____ your mom _____ (wash) her car?

V. Use Present Continuous Tense

(Sử dụng Thì Hiện tại tiếp diễn)

1. My brother _____ (play) games right now.
2. Where _____ you _____ (go) at the moment?
→ I _____ (go) to the supermarket now.
3. Listen! The birds _____ (sing)
4. My mom _____ (not/ cook) in the kitchen now, she _____ (watch) TV.
5. My sister _____ (swim) in the pool at present.

VI. Use Simple Past Tense

(Sử dụng Thì Quá khứ đơn)

1. She _____ (go) to work last week.

2. They _____ (not/be) tired yesterday.

3. Who _____ he _____ (visit) 3 days ago?

4. My mom _____ (not/ drive) a car to work this morning.

5. My dad _____ (buy) a lot of toys for me last week.

VII. Use correct tense

(Sử dụng đúng thì)

1. My brother _____ (go) to school every day.
2. Listen! The baby _____ (cry)
3. Who _____ (be) you?
4. My parents _____ (not/ work) on Saturday and Sunday.
5. My grandparents _____ (do) the gardening right now.
6. Yesterday morning, I _____ (see) my teacher in the park.

7. _____ you _____(visit) your grandpa last month?

8. Last night, my sister _____(not/do) her homework.

9. I _____(not/be) tired this morning but I _____(feel) sleepy.

10. Why _____ you _____(look) very sad now?

11. Who _____ your mom _____(talk) with at present?

12. There _____(be) 4 people in my family.

13. She never _____(brush) her teeth after lunch, but she always _____(wash) her hands before eating.

14. I often _____(fly) a kite after school. My brother usually _____(study) English on his computer and my sister never _____(do) the housework to help my mom.

15. At the moment, my mom _____ (not/cook) , but she _____ (wash) the dishes in the kitchen.

16. My teacher sometimes _____ (give) us some homework.

17. My sister _____ (like) drawing and painting. 1 hour ago, she _____ (draw) a picture and _____ (paint) a picture.

18. They _____ (not/ be) my friends. They _____ (be) my cousins.

19. Last weekend, we _____ (not/be) at home. We _____ (be) at the beach with our family. We _____ (eat) lots of seafood and _____ (play) a lot of water sports, but we _____ (not/take) any photos.

20. Every morning, my mom _____ (get) up at 6:00. Then, she _____ (do) exercise and _____ (clean) her bedroom. After that, she _____ (brush) her teeth and _____ (wash) her face, but she _____ (not/ go) to the market.

-----THE END-----